

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 21-4-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Phạm Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Xã M, huyện T (nay là phường L, thành phố T), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 103 L, H, A, New Zealand; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Xã M, huyện T (nay là phường L, thành phố T), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 103 L, H, A, New Zealand; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2025 và bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường L, thành phố T), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm,

không có tiếng nói chung về kinh tế và cách nuôi dạy con chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 03 con chung là Nguyễn Đỗ Khánh H1, sinh ngày 11/10/2006, Nguyễn Gia H2, sinh ngày 28/02/2009, Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/9/2013. Cháu H1 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu giao 02 con chung là Nguyễn Gia H2 và Nguyễn Gia B cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng như trình bày của bà T. Ông H cũng xét thấy không còn tình cảm với bà T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà T có 03 con chung như trình bày của bà T. Ông H đồng ý với yêu cầu nuôi con của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký thường trú tại Hải Phòng, hiện nay đều đang ở New Zealand. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông H đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, không còn quan tâm trách nhiệm, không còn tình cảm vợ chồng. Bà T yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý. Xét hôn nhân của bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông H xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Đỗ Khánh H1, sinh ngày 11/10/2006, Nguyễn Gia H2, sinh ngày 28/02/2009, Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/9/2013. Cháu H1 đã thành niên, bà T và ông H không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu H1, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Xét việc thoả thuận nuôi các con chung Nguyễn Gia H2, Nguyễn Gia B của bà T và ông H là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và cháu B, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Cần giao 02 con chung Nguyễn Gia H2, Nguyễn Gia B cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, các điều 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung:

Không giải quyết việc nuôi dưỡng đối với con chung của bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Đức H là cháu Đỗ Khánh H1, sinh ngày 11/10/2006.

Giao 02 con chung là Nguyễn Gia H2, sinh ngày 28/02/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/9/2013 cho ông Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001161 ngày 19/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Lê Hồng Phong, TP. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN T**

**Phạm Mạnh Hùng      Nguyễn Thị Luyến**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**